

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần 482

Năm 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần 482 (Joint - Stock Company No 482)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324346
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 155 Trường Chinh - TP Vinh - Nghệ An.
- Số điện thoại: 038.3853200
- Số fax: 038.3854701
- Website: <http://www.Congty482.com.vn>
- Mã cổ phiếu: B82

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày thành lập: Công ty thành lập ngày 19/02/1983
- Thời điểm niêm yết: Ngày 07/03/2008
- Các mốc sự kiện quan trọng:
 - Công ty cổ phần 482 tiền thân vốn là Xí nghiệp Đường sắt 769 có nhiệm vụ đảm bảo giao thông (đường sắt và đường bộ) vùng khu bốn cũ từ Nghệ An đến Quảng Bình trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra Miền Bắc. Đến năm 1982, Công ty đổi tên thành Xí nghiệp Đường sắt 482 trực thuộc Liên hiệp xí nghiệp Giao thông 4.
 - Năm 1992, Xí nghiệp Đường sắt 482 chuyển đổi thành Công ty Công trình giao thông 482 – Tổng công ty xây dựng Công trình giao thông miền Trung (Nay là Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4).
 - Ngày 29/4/2004, Bộ giao thông vận tải ra quyết định số 1226/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty công trình giao thông 482 thành Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4. Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16/12/2004 với số vốn điều lệ là 8 tỷ đồng, trong đó, Nhà nước nắm giữ 51%, cán bộ công nhân viên và cổ đông bên ngoài nắm 49%.
 - Ngày 06/4/2007, Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 của Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 quyết định phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng.
 - Ngày 08/12/2007, Công ty cổ phần xây dựng công trình 482 tổ chức Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông quyết định đổi tên Công ty thành Công ty cổ phần 482 cho phù hợp với ngành nghề kinh doanh mới của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 16/12/2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/12/2007. Đại hội đồng cổ đông cũng quyết định niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - Ngày 07/03/2008, Công ty cổ phần 482 được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận niêm yết cổ phiếu.
 - Ngày 17/03/2008, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là B82.
 - Ngày 23/02/2010, Công ty cổ phần 482 được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 517/UBCK – GCN, chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng.

- Ngày 13/08/2010, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.
- Ngày 26/08/2010, Công ty cổ phần 482 chính thức giao dịch 1,5 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) niêm yết bổ sung trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 3.000.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

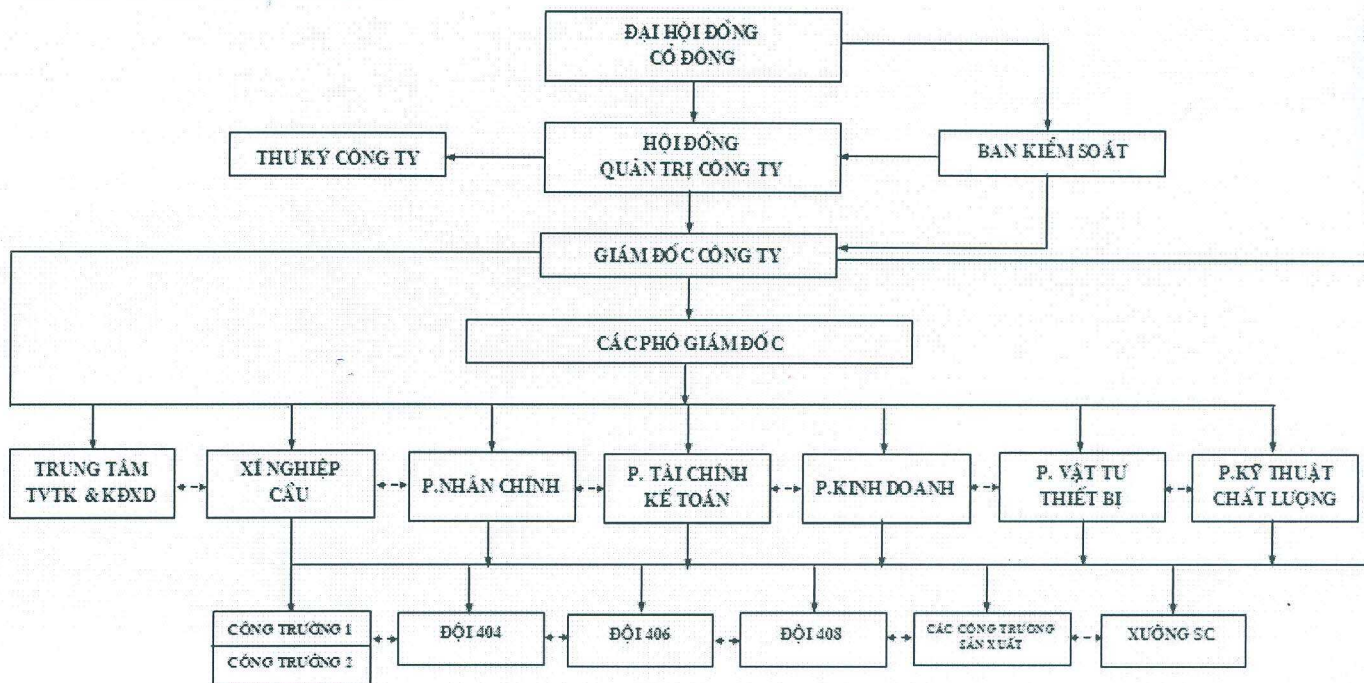
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- + Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Vận tải hành khách đường bộ khác;
- + Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- + Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- + Sản xuất các cấu kiện kim loại: thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại;
- + Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, quặng kim loại hiếm;
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không;
- + Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- + Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trong nước)

- Địa bàn kinh doanh: Với đặc thù là đơn vị thi công các công trình giao thông nên Công ty CP 482 có địa bàn kinh doanh rộng khắp các tỉnh thành trên cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, các Phó Giám đốc và các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu tổ chức của công ty:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu:

+ Tăng cường năng lực thiết bị, công nghệ thi công, tích cực áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

+ Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực để bảo đảm chất lượng, số lượng với trình độ học vấn, tay nghề, có năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ mới.

+ Đầu tư một cách hiệu quả vào các lĩnh vực tài chính, khu thương mại, chung cư, đầu tư vốn vào các công ty liên kết, công ty cổ phần khác.

+ Hoàn thành các mục tiêu về tiến độ thi công các dự án đã trúng thầu và các dự án đầu tư.

+ Có các bước đi thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác thu hút vốn đầu tư từ thị trường chứng khoán để nâng vốn điều lệ, mở rộng qui mô hoạt động kinh doanh.

+ Bảo đảm đời sống vật chất ổn định, đời sống văn hoá tinh thần phong phú.

- Chiến lược phát triển của B82:

+ Xây dựng Công ty Cổ phần 482 thành công ty phát triển kinh doanh đa ngành đa nghề, đa sản phẩm ổn định, vững chắc, đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Lấy ngành nghề xây lắp làm chủ đạo. Không ngừng nâng cao đời sống, thu nhập cho CBCNV,... đưa Công ty Cổ phần 482 phát triển toàn diện, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài khẳng định thương hiệu mã chứng khoán B82.

+ Duy trì mức tăng trưởng hàng năm đạt 10% -:- 15%.

+ Khai thác tiềm năng của thị trường chứng khoán. Huy động vốn cho SXKD phù hợp với từng thời điểm bằng việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi tăng vốn điều lệ đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

+ Khai thác tối đa vị trí địa lý khu đất cơ quan.

+ Hàng năm tùy vào điều kiện cụ thể HĐQT đề ra các sách lược và kế hoạch phù hợp đảm bảo sự phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

Trong tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu như hiện nay, Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ:

- Chính sách tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty.

- Do xây dựng các công trình có thời gian dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì giá nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Chính sách pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ TIỀN
1	Giá trị sản lượng	Triệu đồng	425.410
2	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	348.717
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng	6.291
4	Lợi nhuận thực hiện (sau thuế)	Triệu đồng	5.004
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn CSH	%	11,05
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/vốn Điều lệ	%	16,68

7	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	4.802
8	Nguyên giá tài sản cố định	Triệu đồng	108.277
9	Đầu tư tài sản	Triệu đồng	4.848
10	Thu khấu hao TSCĐ trong năm	Triệu đồng	8.489
11	Khấu hao TSCĐ lũy kế	Triệu đồng	72.115
12	Giá trị tài sản cố định còn lại	Triệu đồng	36.349
13	Nợ Ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn) và các đối tượng khác	Triệu đồng	82.448
14	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Triệu đồng	1,02
15	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/ng/tháng	6,25
16	Trả cổ tức năm 2012	%	12,0

*** So sánh, nhận xét:**

- Sản lượng đạt 425,41 tỷ/380 tỷ Kế hoạch ĐHĐCĐ; đạt 112% Kế hoạch; tăng 27,5% so với năm 2011;
- Doanh thu đạt 348,717 tỷ/345 tỷ Kế hoạch ĐHĐCĐ; đạt 101,1% Kế hoạch; tăng 23,2% so với năm 2011;
- Lợi nhuận trước thuế 6,291 tỷ/7 tỷ Kế hoạch ĐHĐCĐ; đạt 89.9% Kế hoạch;
- Thu nhập bình quân người lao động 6,253 triệu/6 triệu Kế hoạch ĐHĐCĐ; đạt 104,2% Kế hoạch; tăng 12,8% so với năm 2011;
- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn 1,02 lần/Kế hoạch >1 lần;

2. Tổ chức và nhân sự hiện nay:

- Danh sách Ban lãnh đạo:

* Ông: **Lê Hòa Nguyễn** - UV HĐQT, Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ: 646.508 cổ phần, chiếm 21,6% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 610.800 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 35.708 cổ phần

* Ông: **Cao Hoài Thanh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.382 cổ phần, chiếm 0,51% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.382 cổ phần

Người có liên quan:

+ Vợ: **Trần Thị Thảo**

+ Số cổ phần nắm giữ: 534 cổ phần

* Ông: **Lâm Hoàng Linh** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.229 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.229 cổ phần

* Ông: **Đặng Văn Khoa** - Phó Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 15.100 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.100 cổ phần

* Ông: **Phan Sỹ Hùng** - Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ: 15.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

- Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành: Năm 2012 có 05 đồng chí, Tháng 3/2013 tới nay có 4 đồng chí, nguyên nhân:

Đầu năm 2012 có 4 Đ/C, trong năm HĐQT đã bổ nhiệm mới 01 Phó Giám đốc, và bổ nhiệm lại 1 Kế toán trưởng, bổ nhiệm 01 Quyền GD Trung tâm TVTK&KĐXD, 01 PGD XN Cầu, 03 Phó Phòng, 04 Đội phó, 01 Trưởng trạm y tế.

Đầu năm 2013, ông Nguyễn Tuấn Huỳnh thôi giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty để nhận nhiệm vụ công tác mới, ông Lê Hòa Nguyễn thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT. HĐQT đã bầu ông Nguyễn Trọng Cẩm giữ chức Chủ tịch HĐQT, thôi nhiệm vụ phó giám đốc và bổ nhiệm ông Lê Hòa Nguyễn giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 569 người. Thực hiện trả lương và các chế độ khác cho người lao động theo Luật lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, năm 2012 Công ty CP 482 tạm thời dừng thực hiện các dự án đầu tư.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011 (Triệu đồng)	Năm 2012 (Triệu đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	293.588	331.288	112,8%
Doanh thu thuần	283.187	345.194	121,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.090	5.894	96,8%
Lợi nhuận khác	988,9	397,4	40,2%
Lợi nhuận trước thuế	7.079	6.291	88,9%
Lợi nhuận sau thuế	5.766	5.004	86,8%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	12%	100%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,04	1,04
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,47	0,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ /Tổng tài sản	Lần	0,85	0,86
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,54	6,31
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	<i>Lần</i>	1,83	1,69
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	<i>Lần</i>	0,97	1,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,0	2,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,8	11,1
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,0	1,5
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,2	1,7

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là: 3.000.000 CP phổ thông, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt tại ngày 04/04/2013 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán VN:

Danh mục	Số lượng sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số vốn Điều lệ	3.000.000	30.000.000.000	100%
1. Cổ đông Nhà nước	1.527.000	15.270.000.000	50,09%
2. Cổ đông đặc biệt	181.983	1.819.830.000	6,1%
- HĐQT và Ban Giám đốc	150.220	1.502.200.000	5%
- Ban kiểm soát	31.763	317.630.000	1,1%
3. Cổ đông nước ngoài	16.540	165.400.000	0,6%
- Cá nhân	13.840	138.400.000	0,5%
- Tổ chức	2.700	27.000.000	0,1%
4. Cổ đông khác	1.274.477	12.744.770.000	42,5%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2012: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2011	K.hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ thực hiện KH	Tỷ lệ so với 2011
Giá trị sản lượng	333,568 tỷ	380 tỷ	425,410 tỷ	119,5%	127,5%
Doanh thu và thu nhập khác	285,592 tỷ	345 tỷ	348,71 tỷ	101,1%	124,5%
Thực thu bằng tiền+ tạm ứng	299,801 tỷ		367,063 tỷ		122,44%

Lợi nhuận trước thuế	7,1 tỷ	≥7 tỷ	6,291 tỷ	89,87%	88,6%
Nộp ngân sách	7,977 tỷ	đầy đủ	4,802 tỷ	đầy đủ	60,19%
Đầu tư thiết bị	3,388 tỷ	≥10 tỷ	4,848 tỷ	48,5%	143%
Thu khấu hao TSCĐ	8,3 tỷ	≥8 tỷ	8,489 tỷ	106%	102,2%
Thu nhập người lao động	5.544.000 đ/ng/th	6.000.000 đ/ng/th	6.253.000 đ/ng/th	104,2%	112,8%

– Những tiên bộ công ty đã đạt được:

Với cố gắng phấn đấu của CBCNV trên tất cả mọi mặt năm 2012 Công ty đã nhận được các danh hiệu:

+ Được tặng thưởng huân chương lao động hạng nhất, cờ thi đua của Chính phủ và 02 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 2 cá nhân;

+ Đánh giá là một trong 500 thương hiệu phát triển nhanh và bền vững “FAST 500”; Được Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam bầu chọn là 100 thương hiệu Việt bền vững;

+ Đảng bộ công ty đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2012, công đoàn trong sạch vững mạnh, đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Bộ GTVT tặng bằng khen năm 2012.

2. **Tình hình tài chính**

a/ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	: 345,194 tỷ
- Thu nhập khác	: 3,523 tỷ
- Thực thu bằng tiền + tạm ứng	: 367,063 tỷ
- Lợi nhuận doanh nghiệp trước thuế	: 6,291 tỷ
- Đã nộp ngân sách	: 4,802 tỷ

b/ Tình hình công nợ:

- Công nợ phải thu	: 98,131 tỷ
- Hàng tồn kho (Dở dang + NVL tồn kho)	: 183,160 tỷ
- Công nợ phải trả	: 286,006 tỷ
<u>Trong đó:</u> + Vay và nợ ngắn hạn	: 80,926 tỷ
+ Vay và nợ dài hạn.	: 1,522 tỷ

c/ Tình hình tăng giảm tài sản cố định

- Nguyên giá tài sản cố định trong năm	: 108.277 tỷ
- Đã khấu hao	: 72,115 tỷ
- Giá trị còn lại	: 36,162 tỷ
- Tài sản cố định đầu tư trong kỳ	: 4,848

3. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

3.1. Công tác xây dựng phát triển thương hiệu:

Thực hiện có hiệu quả theo Quyết định số 2210/QĐ-TCT ngày 24/3/2011 của Tổng Công ty về việc “ Xây dựng và phát triển thương hiệu Tổng Công ty đến năm 2015”. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công trên các công trình trọng điểm đảm bảo an toàn, có mỹ thuật, chất lượng cao, vượt tiến độ. Giáo dục cho CBCNV nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu của Công ty Cổ phần 482 nói riêng và Tổng Công ty nói chung. Xây dựng nếp

sống văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV. Cải tạo, nâng cấp Website của Công ty để quảng bá thương hiệu.

3.2. Công tác phát triển nguồn lực:

- Tuyển dụng cán bộ chuyên ngành trình độ chuyên môn giỏi, có tâm, có chí hướng với nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, khuyến khích tinh thần tự học nâng cao trình độ.

- Cử cán bộ Lãnh đạo quản lý các phòng ban tham gia các lớp đào tạo về các lĩnh vực chuyên môn, quản lý và lý luận chính trị.

- Đào tạo, đào tạo lại nâng cao tay nghề lực lượng lao động hiện có; tuyển dụng công nhân lành nghề, đặc biệt ưu tiên cho công nhân cần đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong xu thế hội nhập, 100% công nhân kỹ thuật được đào tạo và nâng bậc thợ, được học an toàn lao động theo đúng kế hoạch.

- Thực hiện rà soát, tổ chức sắp xếp lại nguồn nhân lực bố trí hợp lý nâng cao hiệu quả công việc.

3.3. Công tác đầu tư:

- Cân đối nguồn công việc trong năm và gói đầu các năm tiếp theo để đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả.

- Chú trọng đầu tư các thiết bị và công nghệ cho thi công cầu, sân bay cả về thiết bị và con người, đầu tư thay thế một số thiết bị kém hiệu quả.

3.4. Công tác tìm kiếm việc làm:

- Duy trì khai thác thị trường Sân bay đảm bảo việc làm ổn định lâu dài.

- Phát huy mối quan hệ với các chủ đầu tư truyền thống

- Chủ động tham gia đấu thầu các dự án có vốn nước ngoài (ODA, WB, JICA), dự án trái phiếu Chính Phủ, ngân sách Nhà nước được ưu tiên cấp vốn, chỉ triển khai thi công khi có kế hoạch vốn; nâng cao chất lượng công tác đấu thầu.

- Hết sức tranh thủ sự ủng hộ tạo điều kiện nguồn việc làm từ Tổng Công ty.

- Mở ngành nghề mới: Tư vấn giám sát, Đại lý bán vé máy bay... nhằm giải quyết công ăn việc làm, lao động dồi dư.

3.5. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

- Không ngừng kiện toàn và sắp xếp hợp lý bộ máy cán bộ điều hành từ công ty đến cấp đội, công trường;

- Tăng cường công tác quản lý nâng cao hiệu quả trong SXKD. Đặc biệt tập trung chỉ đạo thực hiện công tác khoán cấp đội, thực hiện khoán đến người lao động.

- Tập trung giải quyết dứt điểm những tồn đọng tại của các gói thầu tại dự án Trường Sơn Đông.

- Tăng cường hơn nữa vai trò chỉ đạo từ các phòng ban nghiệp vụ xuống các đội để giải quyết kịp thời những vướng mắc cần tháo gỡ trong quá trình thi công.

- Cần nâng cao công tác quản lý chất lượng, kiểm tra giám sát tại hiện trường. Xác định chất lượng là vấn đề sống còn của doanh nghiệp.

- Tập trung thi công dứt điểm các công trình nhỏ lẻ, khối lượng còn lại ít để dồn lực lượng cho các công trình lớn, trọng điểm.

- Tập trung giải quyết dứt điểm công tác điều chỉnh dự toán các gói thầu, thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành. Khẩn trương nghiệm thu thanh toán các khối lượng hoàn thành nhằm nhanh chóng thu hồi vốn.

3.6. Công tác khoán cấp đội

Năm 2013 tập trung các nội dung sau:

- Củng cố Hội đồng khoán Công ty, phân công phân nhiệm cụ thể cho các thành viên hội đồng, các Phó giám đốc phụ trách, các phòng ban nghiệp vụ.

- Bổ sung hoàn thiện quy chế khoán, các quy trình liên quan phù hợp. Đổi mới cách giao khoán đảm bảo triển khai nhanh, thiết thực và hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch khoán cụ thể cho tất cả các công trình và có sự chỉ đạo quyết liệt.

3.7. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình:

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vai trò chỉ đạo, kiểm soát của phòng kỹ thuật tới các công trường. Thực hiện tốt chức năng kiểm tra giám sát, kịp thời xử lý mọi sự cố xảy ra trong quá trình thi công, tham mưu đẩy nhanh tiến độ.

- Nâng cao chất lượng TKBVTC, thiết kế biện pháp TCTC nội bộ, công tác thí nghiệm, làm hồ sơ hoàn công. Kiên quyết kỷ luật đối với cá nhân, tập thể thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình gây thiệt hại cho Công ty.

3.8. Công tác nghiệm thu thanh toán:

- Tập trung công tác nghiệm thu thanh toán ngay từ đầu năm. Thực hiện quyết toán gọn các công trình đã hoàn thành;

- Xây dựng kế hoạch nghiệm thu thanh toán, bù giá ngay từ đầu năm và chỉ đạo sát sao nhằm thu hồi vốn nhanh.

- Cần phát huy tính chủ động trong từng khâu, từng mắt xích của quá trình thanh toán. Đặc biệt phòng Kỹ thuật, các ban điều hành là mắt xích quan trọng cần chủ động đi trước một bước.

3.9. Công tác quản lý thiết bị, vật tư:

- Tăng cường khâu quản lý, khai thác có hiệu quả thiết bị nhất là các thiết bị đặc chủng, các thiết bị thuê mượn.

- Cần cân nhắc khi thuê thiết bị ngoài, hạn chế lãng phí do thiết bị nằm chờ, thiết bị chất lượng kém, hiệu quả thấp.

- Điều độ thiết bị hợp lý, khai thác hiệu quả.

- Sửa đổi bổ sung quy chế quản lý thiết bị phù hợp với quy mô đầu tư và thiết bị mới.

- Quản lý tốt các vật tư đặc chủng, thiết bị nhỏ lẻ, cần có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ.

3.10. Công tác tài chính:

* Về mặt quản lý:

- Thực hiện quy trình thanh toán, vay và hoàn chứng từ theo quy định về quy chế tài chính của Công ty cũng như chuẩn mực kế toán đã quy định.

- Có các biện pháp thu hồi công nợ của các khách hàng một cách hiệu quả nhất, đặc biệt là cụm dự án Trường Sơn Đông đề nghị HĐQT kết hợp Lãnh đạo Công ty có lộ trình và biện pháp để giải quyết triệt để nhằm tháo gỡ khó khăn về tài chính cho Công ty;

- Các phòng ban cần tuân thủ chặt chẽ quy trình quản lý ISO về quản lý vật tư vật liệu, cập nhật và theo dõi xuất nhập vật tư chính xác và đạt hiệu quả cao.

** Về công tác nghiệp vụ:*

- Thường xuyên cập nhật các quy định, nghị định và thông tư hướng dẫn của Nhà nước về các chế độ kế toán và ghi sổ một cách chính xác, trung thực, phù hợp với từng thời điểm cụ thể trong báo cáo tài chính;

- Thực hiện thanh toán và hoàn nợ theo đúng các quy định và chế tài đã ban hành;

- Hướng dẫn thống kê đội nâng cao công tác nghiệp vụ và theo dõi chi phí công trình một cách khoa học và phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty.

3.11. Công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường

Lãnh đạo Công ty thường xuyên quan tâm, coi trọng đến công tác an toàn lao động vệ sinh môi trường. Đây cũng là 1 nội dung chương trình phát triển thương hiệu. Trong năm 2013 cần thực hiện:

- Sửa đổi ban hành nội quy quy định về công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Trong giai đoạn mới khi chúng ta mở rộng đầu tư công nghệ thi công Cầu, thi công công trình sân bay điều kiện thi công khắc nghiệt hơn, đòi hỏi công tác an toàn cao hơn nên vấn đề an toàn lao động cần cụ thể, chi tiết hóa cho người lao động.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ và xử lý các vi phạm về an toàn lao động. Có chế tài thưởng phạt nghiêm minh. Kiểm tra việc thực hiện quy chế vận hành và quản lý xe máy thiết bị.

- Công tác nhà ở công nhân: Đối với công trình mới triển khai phải có quy hoạch, thiết kế theo tiêu chuẩn mới tiến hành xây dựng nhà ở công nhân.

3.12. Một số vấn đề khác:

- Không ngừng áp dụng, cải tiến hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008. Đưa công tác quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất đi vào nề nếp, quy củ;

- Thực hiện tốt các chỉ đạo của Tổng công ty trong việc xây dựng phát triển thương hiệu của Công ty CP 482 nói riêng và Tổng công ty XDCTG4 nói chung;

- Đẩy mạnh phong trào TDTT và văn nghệ quần chúng, cải thiện tối đa điều kiện sống và làm việc cho CBCNV;

- Công đoàn, Đoàn thanh niên phát động phong trào thi đua trên tất cả các công trình, tăng ca, tăng kíp, tăng hiệu suất lao động, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Công ty CP 482 có bề dày lịch sử hoạt động, là đơn vị có đủ sức mạnh nội lực về nguồn nhân lực, tài chính và đã chọn đúng chiến lược kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu suốt hơn 3 năm qua, nhưng công ty vẫn có thể đứng vững và vượt qua được cơn bão suy thoái, kế hoạch năm nay cao hơn năm trước và hoàn thành được các chỉ tiêu được giao, điều đó chứng minh sự vững vàng trong hoạch định chiến lược và đội ngũ CBCNV đều tay, triển khai Kế hoạch SXKD một cách tốt nhất.

- Tập thể HĐQT, Ban giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty CP 482 là một khối đoàn kết thống nhất từ ý chí đến hành động, tất cả đều chung tay xây dựng công ty phát triển vững mạnh

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đối với Ban giám đốc Công ty, HĐQT tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của từng cá nhân, cụ thể Ban giám đốc đã:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.
- Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Trong đó điều quan trọng nhất là Ban GD đã xây dựng được đội ngũ CBQL cấp trung và đội ngũ nhân sự giỏi nghề, đáp ứng yêu cầu công việc.
- Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho HĐQT theo định kỳ và bất kỳ khi nào cần thiết.
- Công khai minh bạch thông tin, kịp thời, chính xác.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- + Phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý cho các UVHĐQT đề cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong công việc, nâng cao hiệu quả quản lý.
- + Phối hợp chặt chẽ HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát giữ vững đoàn kết nội bộ. Chỉ đạo kiên quyết, linh hoạt và tạo điều kiện tối đa để Ban giám đốc phát huy vai trò trong điều hành.
- + Kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành từ công ty đến cấp đội, ổn định sản xuất hiệu quả. Tập trung nâng cao hiệu quả tại các bộ phận có sự đầu tư lớn nhằm đưa lại hiệu quả tối đa cho công ty.
- + Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khoán và quyết toán cấp đội.
- + Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát tăng cường công tác kiểm soát, kiểm tra nội bộ để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.
- + Kết hợp linh hoạt, hài hoà nội lực trong công ty và các nguồn lực bên ngoài để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đưa lại hiệu quả.
- + Có chiến lược, cơ chế thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng bổ sung cho nguồn cán bộ của công ty đáp ứng nhu cầu công việc và sự phát triển ổn định của công ty.
- + Tiếp tục thực hiện đầu tư hiệu quả xây dựng nhà chung cư cao tầng khu đất cơ quan.
- + Chủ động trong tìm kiếm việc làm cho doanh nghiệp, người lao động đủ việc làm. Tham gia thị trường chứng khoán đúng hướng và khai thác có hiệu quả.
- + Tuyên truyền đi sâu vào nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV đối với tập thể, tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo giữ vững kỷ luật từ cán bộ quản lý cấp công ty đến người công nhân tại các đội sản xuất.
- + Tuyên truyền, học tập và thực hiện nghiêm túc công tác an toàn lao động và vệ sinh môi trường, không để xảy ra vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

V. **Quản trị công ty**

1. **Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

* Ông: **Nguyễn Trọng Cẩm – Chủ tịch HĐQT**

Số cổ phần nắm giữ: 931.804 cổ phần, chiếm 31,1% vốn điều lệ

Trong đó: + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 916.200 cổ phần

+ Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.604 cổ phần

Người có liên quan:

- + Con ruột: **Nguyễn Mạnh Cường**
- + Số cổ phần đang nắm giữ: 9.900 cổ phần
- * Ông: **Lê Hòa Nguyễn** - UV HĐQT, Giám đốc Công ty
 - Số cổ phần nắm giữ: 646.508 cổ phần, chiếm 21,6% vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 610.800 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 35.708 cổ phần
- * Ông: **Nguyễn Tuấn Huỳnh** – Ủy viên HĐQT
 - Số cổ phần nắm giữ: 38.100 cổ phần, chiếm 1,3% vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 38.100 cổ phần
- * Ông: **Cao Hoài Thanh** - UV HĐQT, Phó Giám đốc
 - Số cổ phần nắm giữ: 15.382 cổ phần, chiếm 0,51% vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.382 cổ phần
 - Người có liên quan:
 - + Vợ: **Trần Thị Thảo**
 - + Số cổ phần nắm giữ: 534 cổ phần
- * Ông: **Lê Văn Thảo** - UV HĐQT
 - Số cổ phần nắm giữ: 15.097 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ
 - Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.097 cổ phần
- b) Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Thư ký công ty.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:
 - Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị: 07 buổi
 - Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - + Kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2013, giải pháp thực hiện;
 - + Về việc sửa đổi, bổ sung nội qui, qui chế nội bộ;
 - + Về đơn giá tiền lương 2012;
 - + Kế hoạch đào tạo và tuyển dụng 2012;
 - + Công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ nhiệm cán bộ ;
 - + Về việc xây dựng định biên quân số tại các Phòng ban, đơn vị;
 - + Về tiết giảm chi phí quản lý trong năm 2012;
 - + Công tác khoán, nghiệm thu thanh toán nội bộ;
- d) Hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:
 - Tham gia các cuộc họp của HĐQT và cập nhật các thông tin cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
 - Soạn thảo văn bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.
- 2. **Ban Kiểm soát**
 - a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:
 - * Ông: **Lại Văn Hữu** – Trưởng Ban kiểm soát
 - Số cổ phần nắm giữ: 15.021 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ

- Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.021 cổ phần

- Người có liên quan:
 - + Em ruột: Ông **Lại Ngọc Thủy**
 - + Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.796 cổ phần

* Ông: **Dương Lê Tĩnh** – Ủy viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 10.682 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 10.682 cổ phần

- Người có liên quan:
 - + Vợ: Bà **Nguyễn Thị Thủy**
 - + Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.380 cổ phần

* Bà: **Hoàng Thị Mận** – Ủy viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần nắm giữ: 6.060 cổ phần, chiếm 0,2% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Số cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 6.060 cổ phần

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã tổ chức 5 cuộc họp, nội dung chủ yếu về việc triển khai việc giám sát các hoạt động SXKD tại công ty, công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:*

a) *Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát:*

- Trả thù lao cho HĐQT:
 - + Chủ tịch HĐQT: 48.000.000 đồng/ năm
 - + Ủy viên HĐQT: 42.000.000 đồng/ năm
- Trả thù lao cho Ban kiểm soát:
 - + Trưởng BKS: 31.200.000 đồng/ năm
 - + Thành viên BKS: 24.000.000 đồng/ năm

Tổng chi trả thù lao cho HĐQT (5 người) và BKS (3 người) là: 295.200.000đ. Thực hiện theo đúng phương án đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 thông qua.

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Tuấn Huỳnh	Ủy viên HĐQT - Giám đốc	30.300	1,01%	38.100	1,27%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu
2	Cao Hoài Thanh	UV HĐQT – Phó GD	15.082	0,5%	15.382	0,51%	Tăng số lượng sở hữu cổ phiếu

3	Lê Văn Thảo	Ủy viên HĐQT	10.097	0,34%	15.097	0,5%	Tăng số lượng sở hữu CP
---	-------------	--------------	--------	-------	--------	------	----------------------------

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo báo cáo kiểm toán số Số: 262/2013/BC.TC-AASC.KT3 ngày 03 tháng 03 năm 2013 của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC): "*Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 482 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan*".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		292,791,416,010	248,863,406,289
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4,565,868,382	182,037,303
111	1. Tiền		4,565,868,382	182,037,303
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2,050,000,000	3,000,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2,050,000,000	3,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		98,131,515,578	101,304,011,914
131	1. Phải thu của khách hàng		92,422,851,400	92,403,253,986
132	2. Trả trước cho người bán		5,205,677,479	8,533,566,488
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2,068,107,216	1,445,371,214
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1,565,120,517)	(1,078,179,774)
140	IV. Hàng tồn kho	6	182,160,424,017	136,449,747,560
141	1. Hàng tồn kho		182,160,424,017	136,449,747,560
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5,883,608,033	7,927,609,512
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	5,883,608,033	7,927,609,512
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38,496,764,306	44,724,672,388
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		36,349,258,371	41,922,414,999
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	36,161,550,707	41,922,414,999
222	- Nguyên giá		108,276,586,411	106,459,380,251
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(72,115,035,704)	(64,536,965,252)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		187,707,664	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	1,935,898,000	1,935,898,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1,935,898,000	1,935,898,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		211,607,935	866,359,389
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	153,083,725	829,781,758
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	58,524,210	36,577,631
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		331,288,180,316	293,588,078,677

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		286,005,973,017	248,704,180,962
310	I. Nợ ngắn hạn		281,796,097,359	238,855,030,685
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	80,926,467,479	70,615,983,179
312	2. Phải trả cho người bán		107,446,422,132	86,245,121,670
313	3. Người mua trả tiền trước		61,774,050,167	61,591,380,301
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9,455,845,523	5,431,837,124
315	5. Phải trả người lao động		9,523,656,870	9,482,399,909
316	6. Chi phí phải trả	14	407,287,912	389,618,661
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	12,262,367,276	5,098,689,841
330	II. Nợ dài hạn		4,209,875,658	9,849,150,277
333	3. Phải trả dài hạn khác	16	886,072,034	821,855,584
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	1,521,639,055	6,747,702,427
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	719,719,007
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		1,802,164,569	1,559,873,259
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		45,282,207,299	44,883,897,715
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	45,282,207,299	44,883,897,715
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30,000,000,000	30,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4,016,189,000	4,016,189,000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		4,594,450,478	4,252,450,478
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1,667,235,816	1,467,235,816
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,004,332,005	5,148,022,421
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		331,288,180,316	293,588,078,677

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	345,194,271,839	283,187,205,068
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		345,194,271,839	283,187,205,068
11	4. Giá vốn hàng bán	20	307,158,655,850	249,273,283,708
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38,035,615,989	33,913,921,360
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	573,808,541	318,907,686
22	7. Chi phí tài chính	22	16,217,061,208	13,448,363,072
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		16,217,061,208	13,448,363,072
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	16,498,224,221	14,694,228,326
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5,894,139,101	6,090,237,648
31	11. Thu nhập khác	24	3,523,238,858	2,404,417,454
32	12. Chi phí khác	25	3,125,880,953	1,415,557,512
40	13. Lợi nhuận khác		397,357,905	988,859,942
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6,291,497,006	7,079,097,590
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1,287,165,001	1,313,006,574
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5,004,332,005	5,766,091,016
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1,668	1,922

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		379,876,771,475	299,694,599,717
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(318,478,786,622)	(245,827,081,010)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(46,242,471,056)	(44,309,815,609)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(16,199,391,957)	(13,021,545,815)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(438,393,104)	(1,835,316,280)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18,922,164,439	6,014,089,409
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13,877,036,203)	(7,417,181,946)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3,562,856,972	(6,702,251,534)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(5,036,101,250)	(4,099,639,599)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		2,963,217,731	780,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8,050,000,000)	(3,423,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9,000,000,000	2,423,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		551,271,555	318,907,686
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(571,611,964)	(4,000,731,913)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
32	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		158,629,031,953	158,029,446,519
33	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(153,544,611,025)	(144,104,524,389)
34	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
35	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,691,834,857)	(6,000,000,000)
36	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1,392,586,071	7,924,922,130
40	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4,383,831,079	(2,778,061,317)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		182,037,303	2,960,098,620
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		4,565,868,382	182,037,303

Toàn văn báo cáo tài chính được kiểm toán Công ty đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ: <http://www.Congty482.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trọng Cẩm